TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: **24**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 4 - 2026
V/v ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải, bà Hoàng Thị Hường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2026 tại hội trường Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 303/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2026 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị X, sinh năm 1984 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

Căn cước số: 066184012397 do Cục C về trật tự xã hội cấp 31/7/2025;

Địa chỉ: Thôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến L, sinh năm 1980 (Vắng mặt);

CCCD số: 030080019214 do Cục C về trật tự xã hội cấp 04/01/2024;

Nơi ĐKHKTT: 49 Hẻm B T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: Thôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị X trình bày:* Bà X và ông Nguyễn Tiến L tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2008 tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk).

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, đã nhiều lần vợ chồng ngồi nói chuyện để cố gắng vun đắp, hàn gắn tình cảm nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng cũng được hai bên gia đình khuyên nhủ nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2025 cho đến nay không ai quan tâm đến

ai. Nay bà X xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, bà X làm đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Tiến L.

- Về con chung: có 05 con chung là cháu Nguyễn Lê Phương T, sinh ngày 01/01/2009, cháu Nguyễn Lê Minh T1, sinh ngày 21/4/2013, cháu Nguyễn Lê Minh T2, sinh ngày 24/7/2016, cháu Nguyễn Lê Minh K, sinh ngày 27/8/2019 và cháu Nguyễn Lê Mai A, sinh ngày 10/01/2022. Sau khi ly hôn bà L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 05 con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng. Hiện nay bà L làm việc tại xưởng gỗ thu nhập khoảng 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, ngoài ra các cháu còn được ông bà ngoại và anh em trong nhà hỗ trợ nên đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu được tốt.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Tiến L: Trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không tham gia tố tụng nên Tòa án không ghi được lời khai.

Qua biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân thì Chính quyền địa phương cho biết: Vợ chồng bà Lê Thị X, ông Nguyễn Tiến L có mâu thuẫn với nhau, tuy nhiên mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì ban tự quản thôn không nắm rõ vì không yêu cầu hòa giải tại địa phương. Quá trình sinh sống tại địa phương bà X, ông L chấp hành tốt các quy chế của địa phương, chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Chị X làm công nhân tại xưởng gỗ, thu nhập tương đối ổn định.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân: Bà Lê Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Tiến L. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Lê Phương T, sinh ngày 01/01/2009, cháu Nguyễn Lê Minh T1, sinh ngày 21/4/2013, cháu Nguyễn Lê Minh T2, sinh ngày 24/7/2016, cháu Nguyễn Lê Minh K, sinh ngày 27/8/2019 và cháu Nguyễn Lê Mai A, sinh ngày 10/01/2022 cho bà Lê Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị X không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Bà Lê Thị X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với ông Nguyễn Tiến L có nơi cư trú tại xã E, tỉnh Đắk Lắk. Quan hệ pháp luật cần giải quyết là Ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Nguyên đơn bà Lê Thị X có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Tiến L mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Lê Thị X với ông Nguyễn Tiến L tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 30/12/2008. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, cũng như quá trình tham gia tố tụng bà Lê Thị X trình bày: Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2025 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Tòa án đã cho bà Lê Thị X có thời gian suy nghĩ chuyện tình cảm vợ chồng, nhưng bà Lê Thị X cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không có hướng khắc phục, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn nên bà giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập lên ghi nhận lời khai và hòa giải nhưng ông Nguyễn Tiến L không lên Tòa án làm việc. Như vậy, HĐXX xác định quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị X và ông Nguyễn Tiến L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần giải quyết cho bà Lê Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Tiến L.

[2.2] Về con chung: Bà Lê Thị X có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 05 con chung gồm cháu Nguyễn Lê Phương T, sinh ngày 01/01/2009, cháu Nguyễn Lê Minh T1, sinh ngày 21/4/2013, cháu Nguyễn Lê Minh T2, sinh ngày 24/7/2016, cháu Nguyễn Lê Minh K, sinh ngày 27/8/2019 và cháu Nguyễn Lê Mai A, sinh ngày 10/01/2022. Trong quá trình giải quyết vụ án, các cháu T, T1 và T2 đều có nguyện vọng được ở với mẹ là bà Lê Thị X. Xét thấy, đây là nguyện vọng tự nguyện, phù hợp với độ tuổi, tâm sinh lý của các cháu nên cần được xem xét, tôn trọng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện nay cả 05 cháu đang do bà Lê Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định; bà X có việc làm, thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con. Đồng thời, bà X còn nhận được sự hỗ trợ từ ông bà ngoại và các thành viên trong gia đình, tạo môi trường sống ổn định, thuận lợi cho sự phát triển toàn diện

của các cháu. Đối với ông Nguyễn Tiến L, trong quá trình giải quyết vụ án không tham gia tố tụng, không thể hiện ý kiến về việc nuôi con, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi dưỡng con. Mặt khác, việc giao các con cho mỗi bên trực tiếp nuôi dưỡng sẽ dẫn đến việc chia tách các cháu, ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm và sự phát triển toàn diện của các cháu, nhất là trong điều kiện các cháu còn nhỏ, cần sự ổn định về môi trường sống và sự chăm sóc thống nhất. Từ những phân tích trên, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chưa thành niên, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cả 05 con chung cho bà Lê Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Lê Thị X không yêu cầu ông Nguyễn Tiến L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị X không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Tiến L (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 130 do UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 30/12/2008).

2. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Lê Phương T, sinh ngày 01/01/2009, cháu Nguyễn Lê Minh T1, sinh ngày 21/4/2013, cháu Nguyễn Lê Minh T2, sinh ngày 24/7/2016, cháu Nguyễn Lê Minh K, sinh ngày 27/8/2019 và cháu Nguyễn Lê Mai A, sinh ngày 10/01/2022 cho bà Lê Thị X trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Tiến L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị X phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0005416 ngày 09/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

5. Thông báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Đình Nam